TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2018/DS-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2018
Về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hảo Phát.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Trâm;**
2. Ông **Bùi Văn Khắc.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà **Trần Kim Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 415/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lý Minh Q**, sinh năm 19xx; địa chỉ: Số x/x, ấp T. A, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn:

1. Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 19xx (Đang bị tạm giam tại trại tạm giam A).
2. Anh **Lê Phan Đ. T**, sinh năm 19xx.

Cùng địa chỉ: xx/x, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lý Minh Q trình bày:

Anh Q có mối quan hệ quen biết với chị T và anh T do buôn bán ở chợ L. H gần nhau, anh Q có tham gia hụi do chị T làm thảo hụi, tháng 03/2017 âm lịch chị T tuyên bố bị vỡ hụi, ngày 07/6/2018 chị T bị Tòa án nhân dân huyện H xét xử hình sự và chị T còn thiếu lại anh Q số tiền hụi 58.455.000 đồng, cụ thể như sau:

- Dây hụi 500.000 đồng/tháng ngày 19/7/2014 âm lịch, gồm 34 phần hụi của 22 hụi viện. Dây hụi này chị T bị xét xử hình sự nợ anh 2.920.000 đồng và tách 7.755.000 đồng ra giải quyết dân sự khi anh yêu cầu.

- Dây hụi 500.000 đồng/tháng ngày 04/12/2014 âm lịch gồm 32 phần hụi của 14 hụi viên. Dây hụi này chị T bị xét xử hình sự nợ anh 1.990.000 đồng và tách 7.940.000 đồng ra giải quyết dân sự. Trong dây hụi này anh có mua một phần hụi với giá 17.400.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng ngày 11/12/2015 âm lịch (dây 1) gồm 34 phần hụi của 24 hụi viên, chị T bị xét xử hình sự nợ anh 3.640.000 đồng, tách 6.360.000 đồng giải quyết dân sự.

- Dây hụi 1.000.0000 đồng/tháng ngày 11/12/2015 âm lịch (dây 2) gồm 34 phần hụi của 24 hụi viên, dây hụi này anh có mua 01 phần hụi với giá 19.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi được tách ra giải quyết dân sự của anh là: 7.755.000 đồng + 7.940.000 đồng + 17.400.000 đồng + 6.360.000 đồng + 19.000.000 đồng = 58.455.000 đồng.

Nay anh yêu cầu chị T và anh T cùng trả cho anh số tiền hụi còn thiếu 58.455.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 24/10/2018 bị đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị thống nhất lời trình bày của anh Q, hiện còn nợ anh Q số tiền hụi 58.455.000 đồng tiền vay, chị làm thảo hụi để hưởng huê hồng, sử dụng vào việc mua bán giầy, dép sinh lợi nhuận, chi phí sinh hoạt trong gia đình. Chị đồng ý trả cho anh Q số tiền hụi 58.455.000 đồng, không yêu cầu anh T liên đới trả nợ vì anh T không biết số tiền này.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/10/2018 bị đơn anh Lê Phan Đ. T trình bày:

Anh là chồng của chị T, vợ chồng chung sống từ năm 2002 đến nay, có đăng ký kết hôn và có 01 người con chung.

Anh có biết anh Q do anh Q bán sạp ở chợ L. H cạnh chỗ chị T bán. Anh làm nghề tài xế nên thường xuyên vắng nhà, anh không có phụ giúp chị T làm hụi hay vay mượn của những người khác.

Đến tháng 03/2017, chị T tuyên bố vợ hụi và sau đó bị xét xử hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nguyên nhân chị T bị vỡ hụi theo bản án hình sự đã tuyên là do T làm ăn buôn bán sạp giày dép, mua bán chuyển nhượng đất, chi tiêu trong gia đình, vay tiền của nhiều người và vây Ngân hàng, số tiền lãi phải đóng hàng tháng vượt quá khả năng thanh toán, không thể xoay vòng vốn nên T có lấy hụi của một số người tự khui và lĩnh tiền hụi. Trong bản án đã tuyên tách số tiền hụi 58.455.000 đồng giải quyết dân sự khi anh Q yêu cầu.

Anh và chị T hiện có các tài sản chung là 04 phần đất hiện đã bị kê biên theo Lệnh kê biên của Cơ quan cảnh sát điều tra khi điều tra chị T.

Đối với yêu cầu của anh Q: Anh không đồng ý cùng chị T trả số tiền còn thiếu cho anh Q, do chị T làm hụi không có liên quan đến anh. Anh đồng ý lấy phần tài sản của chị T là ½ trong phần tài sản chung của anh và chị T để trả nợ, anh yêu cầu được giữ lại phần tài sản của anh là ½ phần tài sản chung đã bị kê biên để lo cho con ăn học và lo cho mẹ già.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/ *Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng*:

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

3/Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 479, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lý Minh Q là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Bùi Thị T và anh Lê Phan Đ. T là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị T và anh T là đúng theo quy định tại Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Anh Q yêu cầu chị T, anh T trả số tiền hụi 58.455.000 đồng tiền hụi nên xác định đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của anh Q, chị T thống nhất chị T còn nợ anh Q số tiền hụi là 58.455.000 đồng tiền vay, chị T tự nhận trách nhiệm trả, không yêu cầu anh T liên đới trả nợ.

[4] Xét yêu cầu của anh Q yêu cầu anh T cùng trả nợ thấy rằng: Việc anh T cho rằng anh có quen biết anh Q, anh không biết anh Q có tham gia hụi và cho chị T vay tiền, nên anh không đồng ý trả cho anh Q số tiền hụi và tiền vay còn thiếu, thấy rằng anh T và chị T chung sống vợ chồng từ năm 2002 đến nay chưa ly hôn, trong thời gian chung sống anh T cũng biết việc chị T làm chủ hụi, kinh doanh giày dép, trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có mua tài sản và cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có số tiền chị T lừa đảo chiếm đoạt của các hụi viên.

Mặc dù chỉ có chị T giao dịch hụi của anh Q nhưng số nợ này có trong thời kỳ hôn nhân, sử dụng vào mục đích kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, mua tài sản chung của vợ chồng, anh T cũng không chứng minh được chị T dùng số tiền này để sử dụng vào mục đích khác, nên cần buộc anh T cùng có nghĩa vụ trả nợ cho anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận anh Q không yêu cầu tính lãi.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị T và anh T phải chịu: 58.455.000 đồng × 5% = 2.923.000 đồng (làm tròn số).

[6] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa thành là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà anh Lý Minh Q đối với chị Bùi Thị T và anh Lê Phan Đ. T về việc "*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*".

Buộc chị Bùi Thị T và anh Lê Phan Đ. T có nghĩa vụ trả cho anh Lý Minh Q số tiền 58.455.000 (*Năm mươi tám triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn*) đồng.

Ghi nhận anh Q không yêu cầu chị T và anh T trả tiền lãi.

Kể từ ngày anh Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T, anh T không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng chị T, anh T còn phải trả cho anh Q số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: Chị Bùi Thị T và anh Lê Phan Đ. T phải chịu 2.923.000 (Hai triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho anh Lý Minh Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.466.800 (*Một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm*) đồng theo biên lai thu số 0012200 ngày 05 tháng 7 năm 2018.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hảo Phát

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).